

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 15h00 * Ngày thi: 21/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	27203349833	Hồ Thị Vân	Anh	21/12/2003	Hà Tĩnh	30THT16	6.0	4.5	Không Đạt	
2	28204632878	Võ Thị Vân	Anh	19/07/2004	Đà Nẵng	31CHT8	8.3	4.1	Không Đạt	
3	28212301053	Nguyễn Xuân	Bảo	13/01/2004	Gia Lai	31TBN12	7.7	6.1	Đạt	
4	28216553131	Trương Xuân	Bin	31/03/2004	Hòa Bình	31CHT7	5.7	4.3	Không Đạt	
5	29207255383	Nguyễn Đào Đoàn	Châu	09/08/2005	Khánh Hòa	31TBN12	9.3	8.5	Đạt	
6	27213836771	Nguyễn Quỳnh	Chi	05/10/2003	Quảng Trị	31TBN12	8.3	5.3	Đạt	
7	30218045947	Trần Thị Út	Chi	11/06/2006	Đắk Lắk	31SHT6	8.0	5.0	Đạt	
8	27213143811	Trần Đặng Hoàn	Đan	17/07/2003	Thừa Thiên H	31CBN3	7.0	5.0	Đạt	
9	28212352728	Nguyễn Thành	Đạt	16/04/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	8.7	6.5	Đạt	
10	28217204684	Nguyễn Văn Tuấn	Đạt	01/05/2004	Đà Nẵng	31CYC7	5.0	5.3	Đạt	
11	28212303978	Phạm Văn Thành	Đạt	22/07/2004	Khánh Hòa	31THT12	8.3	7.3	Đạt	
12	28207100186	Phan Vũ Đình	Đình	20/02/2004	Quảng Nam	31CBN3	5.0	0.0	Không Đạt	
13	28212301345	Phạm Trung	Đức	22/12/2004	Gia Lai	31CHT7	9.3	6.5	Đạt	
14	28209328011	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	05/09/2003	Phú Yên	31THT9	7.7	4.3	Không Đạt	
15	28206504400	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/03/2003	Quảng Nam	31THT12	7.0	5.0	Đạt	
16	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/01/2004	Quảng Trị	31TBN8	7.0	5.8	Đạt	
17	27203945412	Nguyễn Thị Phương	Duyên	15/08/2003	Quảng Nam	30TBN2	0.0	0.0	Không Đạt	
18	26205333752	Cao Văn	Hà	19/11/2002	Nghệ An	31TYC9	8.0	7.3	Đạt	
19	27212253330	Nguyễn Việt	Hà	15/11/2003	Đắk Lắk	30CBN9	5.7	0.0	Không Đạt	
20	28206506855	Trương Thị Mỹ	Hà	04/07/2004	Đắk Lắk	31THT12	8.3	3.0	Không Đạt	
21	28214600618	Mai Ngọc	Hải	15/10/2004	Quảng Trị	31THT12	8.0	5.0	Đạt	
22	26202234731	Hoàng Bảo	Hân	12/12/2002	Quảng Nam	31SBN1	8.3	5.3	Đạt	
23	28204853934	Lê Trương Gia	Hân	12/10/2004	Bình Định	31TBN12	7.7	5.0	Đạt	
24	28204600536	Lã Thị Thanh	Hằng	01/10/2004	Đắk Lắk	31CHT8	7.3	5.3	Đạt	
25	29207239970	Mai Nguyễn Thu	Hiền	25/02/2005	Quảng Ngãi	31TBN12	8.7	7.8	Đạt	
26	28214640694	Ngô Thế	Hiển	10/12/2004	Đà Nẵng	30CBN12	5.7	5.0	Đạt	
27	28212302243	Phạm Duy	Hoàng	12/07/2004	Quảng Ngãi	31CYC7	7.3	5.5	Đạt	
28	26203835564	Võ Thị Lan	Hương	09/10/2002	Đà Nẵng	29SBN3	6.0	3.3	Không Đạt	
29	28213102908	Hà Xuân	Huy	21/03/2004	Quảng Bình	31THT12	8.0	6.3	Đạt	
30	28216604045	Lê Trọng	Huy	20/11/2004	Quảng Trị	31TYC1	7.3	6.0	Đạt	
31	28216301344	Trần Gia	Huy	14/02/2004	Gia Lai	31TBN12	0.0	0.0	Không Đạt	
32	28204936517	Lê Phạm Thanh	Huyền	02/01/2004	Quảng Nam	31CHT8	10.0	7.9	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206504793	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	26/10/2004	Gia Lai	31TYC1	9.7	5.3	Đạt	
34	28204600516	Phạm Thị Bích	Huyền	25/05/2004	Quảng Trị	31TBN12	8.7	5.9	Đạt	
35	28208027850	Trần Thị Khánh	Huyền	04/12/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.3	4.0	Không Đạt	
36	28219604274	Nguyễn Bảo	Khang	21/03/2004	Quảng Ngãi	31THT12	7.7	5.0	Đạt	
37	28212354222	Nguyễn Ngọc Trường	Khánh	02/09/2004	Đà Nẵng	31CYC7	8.3	8.1	Đạt	
38	28204642344	Hồ Thị Hoa	Lan	01/09/2004	Nghệ An	31THT12	9.0	9.5	Đạt	
39	28218001585	Vũ Tài	Lân	04/01/2004	Kon Tum	31TSC10	8.3	5.0	Đạt	
40	28204349843	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2003	Quảng Nam	31THT12	9.7	2.5	Không Đạt	
41	28208105772	Nguyễn Thị Thùy	Linh	06/09/2004	Quảng Bình	31TBN12	8.0	5.3	Đạt	
42	28213152948	Phan Công	Linh	13/09/2004	Đà Nẵng	31THT12	9.7	5.5	Đạt	
43	28206126863	Phan Hoàng Tú	Linh	08/10/2004	Đà Nẵng	31TBN12	7.3	4.4	Không Đạt	
44	28204452610	Trần Thị Thùy	Linh	19/04/2003	Quảng Bình	31TBN12	10.0	9.0	Đạt	
45	28206204952	Trần Thùy	Linh	19/10/2004	Đà Nẵng	31TBN10	8.7	4.3	Không Đạt	
46	28212303547	Nguyễn Văn	Lĩnh	23/07/2004	Gia Lai	31THT12	9.0	9.0	Đạt	
47	28212404180	Hồ Nguyễn Tiến	Lợi	25/06/2004	Quảng Trị	31TSC10	5.7	4.5	Không Đạt	
48	28213104088	Nguyễn Thành	Long	16/01/2004	Quảng Trị	31THT12	8.7	5.5	Đạt	
49	28213103385	Nguyễn Duy	Luân	29/02/2004	Phú Yên	31THT12	9.0	5.0	Đạt	
50	29207264104	Nguyễn Thị Trà	My	26/04/2005	Đà Nẵng	31TBN12	8.7	9.5	Đạt	
51	27203124773	Trần Bùi Trà	My	17/01/2003	Quảng Ngãi	29CBN4	7.3	2.5	Không Đạt	
52	28213100669	Đoàn Mạnh Thanh	Nam	01/06/2004	Đà Nẵng	31THT12	10.0	9.9	Đạt	
53	27207100408	Lê Thanh	Nga	18/03/2003	Gia Lai	30TSC11	6.7	3.5	Không Đạt	
54	28216543813	Hồ Thị Thu	Ngân	12/08/2004	Quảng Nam	31CHT8	9.3	6.4	Đạt	
55	28204653281	Lưu Thị Kim	Ngân	18/05/2004	Đà Nẵng	31THT12	10.0	9.3	Đạt	
56	28212301061	Hoàng Duy	Ngọc	07/12/2004	Đắk Lắk	31THT12	8.7	6.0	Đạt	
57	29206552475	Nguyễn Thảo	Nguyên	23/07/2004	Thừa Thiên H	31TBN12	10.0	10.0	Đạt	
58	28214329736	Trần Viết	Nhân	03/03/2004	Đà Nẵng	31THT12	10.0	6.6	Đạt	
59	28206653699	Đỗ Quỳnh	Nhi	30/09/2004	Kon Tum	31TBN5	9.7	7.4	Đạt	
60	28206506025	Lê Thị Cẩm	Nhi	25/05/2004	Gia Lai	31THT12	9.7	7.0	Đạt	
61	27202134279	Trần Yến	Nhi	25/10/2003	Quảng Nam	31TBN2	7.3	7.5	Đạt	
62	28208037364	Trương Thị Hoàng	Nhi	16/08/2004	Đà Nẵng	31TSC9	8.7	5.9	Đạt	
63	27211343860	Phạm Trần Thanh	Nhiên	01/09/2003	Quảng Nam	31THT8	9.0	7.0	Đạt	
64	28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	26/08/2004	Quảng Ngãi	31SSC4	5.7	4.3	Không Đạt	
65	28207103650	Lê Võ Tâm	Như	30/11/2004	Quảng Nam	31CBN3	6.3	0.0	Không Đạt	
66	28207135923	Trần Thị Hồng	Như	04/09/2004	Quảng Nam	31CBN3	6.3	0.0	Không Đạt	
67	28206551984	Trần Thị Quỳnh	Như	20/03/2004	Đà Nẵng	31THT12	8.0	5.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28207100605	Lê Nguyễn Hồng Nhung	08/07/2004	Quảng Ngãi	31CBN3	7.0	5.5	Đạt	
69	28206502607	Lương Thị Kim Nhung	13/11/2004	Kon Tum	30SYC4	7.3	4.0	Không Đạt	
70	28206822076	Đỗ Quý Phi	24/02/2004	Quảng Ngãi	31TBN12	8.7	5.6	Đạt	
71	28218102264	Trần Trọng Phúc	14/05/2004	Đắk Lắk	31TBN10	0.0	5.5	Không Đạt	
72	28212305725	Trương Hoàng Phúc	25/03/2004	Quảng Nam	31TBN12	6.3	5.8	Đạt	
73	27212202843	Tôn Thất Quý	19/10/2003	Huế	31CSC6	6.0	5.8	Đạt	
74	28207249030	Nguyễn Thị Như Quỳnh	20/03/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.3	5.3	Đạt	
75	28204141690	Vũ Thị Kim Quỳnh	08/10/2004	Đắk Nông	31TBN12	9.3	8.5	Đạt	
76	29212254589	Bùi Đông San	16/09/2005	Quảng Nam	31SBN4	5.7	5.3	Đạt	
77	28218254388	Nguyễn Sáng	16/02/2004	Đà Nẵng	31TYC9	10.0	5.8	Đạt	
78	28212602406	Nguyễn Văn Sơn	03/11/2004	Đà Nẵng	31THT12	8.7	4.4	Không Đạt	
79	28212945269	Tô Đình Sơn	10/08/2004	Lâm Đồng	31THT12	9.7	9.0	Đạt	
80	28206502758	Trần Đặng Thị Khánh Tâm	25/12/2004	Quảng Nam	31TYC9	9.3	5.8	Đạt	
81	28212306628	Bùi Vạn Thiên Tân	23/06/2004	Quảng Ngãi	31THT12	3.7	5.0	Không Đạt	
82	28208053626	Dương Thị Minh Thảo	10/03/2004	Đắk Nông	31SSC5	5.7	5.0	Đạt	
83	28206252562	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/06/2004	Nghệ An	31SHT5	8.3	6.0	Đạt	
84	28212253672	Nguyễn Đức Thế	07/04/2004	Bình Định	31TBN12	7.3	6.3	Đạt	
85	28208031328	Dương Thị Ngọc Thư	27/10/2004	Đà Nẵng	31SSC5	6.0	5.0	Đạt	
86	28213100853	Kiều Quang Thương	15/05/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.0	4.0	Không Đạt	
87	27203121276	Nguyễn Thị Thu Thúy	15/10/2003	Quảng Ngãi	30THT12	7.7	5.0	Đạt	
88	28203500663	Trần Thị Thúy	30/09/2004	Quảng Nam	31TSC9	7.0	6.0	Đạt	
89	28206853386	Hồ Thị Chon Tịnh	27/02/2004	Quảng Trị	31THT12	9.0	5.0	Đạt	
90	28212346137	Nguyễn Quốc Tịnh	26/01/2004	Đà Nẵng	31CYC7	6.3	5.8	Đạt	
91	27211327005	Trần Văn Toàn	07/02/2003	Gia Lai	31TBN12	8.0	5.3	Đạt	
92	29204164487	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	20/12/2005	Quảng Trị	31TBN12	9.7	6.1	Đạt	
93	28206536910	Nguyễn Thị Thảo Trâm	09/07/2004	Quảng Nam	31TBN12	9.0	7.0	Đạt	
94	29207254785	Trần An Hà Trang	15/11/2005	Khánh Hòa	31TBN12	10.0	9.8	Đạt	
95	28209424598	Phan Ngọc Kiều Trinh	20/06/2004	Đà Nẵng	31TBN12	6.0	5.9	Đạt	
96	28216704189	Tôn Thị Út Trinh	29/11/2004	Quảng Ngãi	31TBN12	8.3	6.0	Đạt	
97	28212200122	Lê Huỳnh Anh Tuấn	19/11/2004	Quảng Trị	31TBN12	5.7	9.5	Đạt	
98	28214651860	Võ Minh Tuấn	04/04/2004	Quảng Trị	31THT12	7.0	9.0	Đạt	
99	28212336919	Nguyễn Thanh Tùng	02/02/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.3	9.0	Đạt	
100	29206565552	Lê Thị Ty	10/02/1997	Quảng Trị	31TBN12	9.3	8.3	Đạt	
101	31265280010	Nguyễn Thị Phương Uyên	28/04/1999	Quảng Ngãi	31THT12	9.7	5.5	Đạt	
102	28208132099	Nguyễn Thị Thúy Phươn Uyên	17/08/2004	Đà Nẵng	31TBN12	10.0	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
103	28206502363	Võ Phan Hồng	Viên	28/09/2004	Phú Yên	31TBN12	9.0	6.3	Đạt	
104	28218122017	Nguyễn Trịnh Hoàng	Việt	05/01/2004	Đà Nẵng	31CHT8	9.0	5.8	Đạt	
105	28204622484	Trần Nguyễn Ý	Vy	04/01/2004	Đà Nẵng	31TBN12	0.0	0.0	Không Đạt	
106	26203100558	Trịnh Hoài Như	Ý	07/06/2002	Phú Yên	31THT6	6.0	5.3	Đạt	
107	28204652430	Tô Thị Mỹ	Yên	10/04/2004	Phú Yên	31TBN12	10.0	9.5	Đạt	
108	28206702994	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	08/01/2002	Thừa Thiên H	31TBN12	7.0	6.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh